

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 08/7/2022

*Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Lê Hủy Thủy

2, Bà Đào Thị Hiền

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thụ lý số 133/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX- ST ngày 23/6/2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Chị Trương Thị Vân A, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai,

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị Vân A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2017 tại UBND xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng tại Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên to tiếng xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ

chồng đã được bạn bè, gia đình và đoàn thể địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng cuối năm 2019 mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo, thời gian đầu mới ly thân, anh D thường xuyên thăm hỏi động viên vợ con để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị Vân A không đồng ý, nay anh D xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vân A.

Về con chung: Anh D trình bày, vợ chồng có 1 con chung cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/3/2018, từ khi vợ chồng ly thân cháu M ở với chị Vân A, nay vợ chồng ly hôn để ổn định sinh hoạt, học tập cho cháu M, anh D đề nghị chị Vân A tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, nếu chị Vân A không nuôi, anh xin nuôi và không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản và nợ: Anh D trình bày không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn chị Trương Thị Vân A: Tại bản tự khai trình bày

Về cơ sở kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, chị thống nhất như anh D trình bày, nay anh D xin ly hôn chị cũng xét thấy vợ chồng đã ly thân nhiều năm, không còn tình cảm cuộc sống chung không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ, chị đồng ý ly hôn với anh D.

Về con chung chị thống nhất như ý kiến anh D, vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/3/2018, từ khi vợ chồng ly thân cháu M ở với chị, học tập sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, nay vợ chồng ly hôn chị xin tiếp tục trực tiếp nuôi cháu M và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, hiện nay chị đang làm thao tác viên vùng 1 tại, phân xưởng 4, của công ty cổ phần dệt Texhong, tại huyện Nhơn Trạch, tỉnh đồng Nai có thu nhập bình quân hơn 11.000.000đ 1 tháng, có nơi ăn ở sinh hoạt ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản và nợ: Chị Vân A thống nhất như ý kiến anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát huyện Triệu Sơn phát biểu như sau:

*> Việc việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng trình tự tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng đủ trình tự thủ tục tố tụng.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không hợp tác làm việc giải quyết vụ án kéo dài.

*> Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị A

Về con chung: Căn cứ điều kiện thực tế gia đình của mỗi bên, để ổn định việc học tập, sinh hoạt của cháu M, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu M, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh Nguyễn Văn D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết ly hôn, nuôi con chung với và chị Trương Thị Vân A, tại thời điểm thụ lý, giải quyết các đương sự đều đang cư trú tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Trương Thị Vân A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn 15/8/2017 tại UBND xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, nên là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình đoàn thể địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, nay anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vân A, tại bản tự khai chị V thừa

nhận cơ sở kết hôn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, tình trạng hôn nhân hiện tại của vợ chồng như anh D trình bày là đúng, nay anh D xin ly hôn chị cũng xác định vợ chồng đã ly thân lâu nay không còn khả năng đoàn tụ, do điều kiện chị mới đi làm và làm việc quá xa nên không có điều kiện trực tiếp về tham gia tổ tụng tại Tòa án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, như vậy vợ chồng đã sống ly thân lâu nay, không còn tình cảm và khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng trong cuộc sống chung không có hạnh phúc, yêu cầu ly hôn của anh D và ý kiến thống nhất của chị Vân A phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, phù hợp với quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị Vân A.

[2] Về con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/3/2018, từ khi vợ chồng ly thân năm 2019 đến nay cháu M ở với chị Vân A, anh D đề nghị chị Vân A tiếp tục nuôi con, nếu chị Vân A không nuôi anh xin nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/3/2018, nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn D đề nghị bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng, tại bản tự khai chị Vân A thống nhất như ý kiến anh D, vợ chồng có một con chung cháu Nguyễn Đức M, sinh năm 2018, hiện nay đang ở với chị tại ấp N, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai, học tập, sinh hoạt khỏe mạnh bình thường, nay vợ chồng ly hôn chị nhận trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, sự thống nhất về giao nuôi con của vợ chồng phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thống nhất của các đương sự về giao nuôi con, giao chị Vân A tiếp tục trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Đức M, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của của, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

[3] Về tài sản, nợ: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Điều 56, 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn D và chị Trương Thị Vân A.

Về con chung: Giao chị Trương Thị Vân A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 12/3/2018, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh D được quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở nhưng nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 6550 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, anh D đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- CCTHADS huyện Triệu Sơn;
- UBND xã Vĩnh Tiến- Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Công TTĐT-TAND;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Đình Hợp